



29-9-2009 - Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 26

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

25-9-2009 - Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản. 35

25-9-2009 - Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 39

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH****Về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên,  
trọng tài và lực lượng phục vụ ngành thể dục thể thao thành phố****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 12 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 3679/LS-STC-SVHTTDL ngày 06 tháng 5 năm 2009 về việc đề xuất một số chế độ đối với huấn luyện viên và vận động viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh và bổ sung một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài và lực lượng phục vụ ngành thể dục thể thao thành phố theo danh mục kèm theo Quyết định này.

Thời gian áp dụng: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VỀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN,  
TRỌNG TÀI VÀ LỰC LƯỢNG PHỤC VỤ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 74/2009/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức cũ (đồng)	Mức mới (đồng)
<b>1</b>	<b>GIẢI THƯỞNG</b>			
<b>a/</b>	<b>Thưởng thành tích tại các giải cấp thành phố</b>			
	<b>A) Môn cá nhân:</b>			
	<b>1/ Giải cá nhân:</b>			
	<b>* Hạng VĐ-A1:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/người	300.000	1.500.000
	HC bạc (nhì)	HC/người	200.000	1.000.000
	HC đồng (ba)	HC/người	100.000	500.000
	<b>* Hạng A2:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/người	150.000	750.000
	HC bạc (nhì)	HC/người	100.000	500.000
	HC đồng (ba)	HC/người	60.000	300.000
	<b>* Hạng B, HS, NK:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/người	120.000	600.000
	HC bạc (nhì)	HC/người	60.000	300.000
	HC đồng (ba)	HC/người	40.000	200.000
	<b>2/ Giải đồng đội, tiếp sức:</b>			
	<b>* Hạng VĐ-A1:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/đội	600.000	3.000.000
	HC bạc (nhì)	HC/đội	300.000	1.500.000
	HC đồng (ba)	HC/đội	200.000	1.000.000

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức cũ (đồng)	Mức mới (đồng)
	<b>* Hạng A2:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/đội	300.000	1.500.000
	HC bạc (nhì)	HC/đội	200.000	1.000.000
	HC đồng (ba)	HC/đội	100.000	500.000
	<b>* Hạng B, HS, NK:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/đội	250.000	1.250.000
	HC bạc (nhì)	HC/đội	150.000	750.000
	HC đồng (ba)	HC/đội	80.000	400.000
<b>3/ Giải đội: chi bằng 70% giải đồng đội, tiếp sức</b>				
<b>4/ Giải toàn đoàn:</b>				
	<b>* Hạng VĐ-A1:</b>			
	Giải nhất + 1 cờ	HC/đoàn	400.000	2.000.000
	Giải nhì + 1 cờ	HC/đoàn	300.000	1.500.000
	Giải ba + 1 cờ	HC/đoàn	200.000	1.000.000
	<b>* Hạng A2:</b>			
	Giải nhất + 1 cờ	HC/đoàn	300.000	1.500.000
	Giải nhì + 1 cờ	HC/đoàn	200.000	1.000.000
	Giải ba + 1 cờ	HC/đoàn	150.000	750.000
	<b>* Hạng B, HS, NK:</b>			
	Giải nhất + 1 cờ	HC/đoàn	250.000	1.250.000
	Giải nhì + 1 cờ	HC/đoàn	150.000	750.000
	Giải ba + 1 cờ	HC/đoàn	100.000	500.000
<b>B) Môn tập thể (BĐ, BC, BR, BN):</b>				
	<b>* Hạng VĐ-A1:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/đội	3.000.000	15.000.000
	HC bạc (nhì)	HC/đội	1.500.000	7.500.000
	HC đồng (ba)	HC/đội	1.000.000	5.000.000
	<b>* Hạng A2:</b>			
	HC vàng (nhất)	HC/đội	1.500.000	7.500.000

STT	NỘI DUNG		Đơn vị tính	Mức cũ (đồng)	Mức mới (đồng)
		HC bạc (nhì)	HC/đội	1.000.000	5.000.000
		HC đồng (ba)	HC/đội	600.000	3.000.000
		<b>* Hạng B, HS, NK:</b>			
		HC vàng (nhất)	HC/đội	1.000.000	5.000.000
		HC bạc (nhì)	HC/đội	800.000	4.000.000
		HC đồng (ba)	HC/đội	500.000	2.500.000
	<b>C) Các giải thể thao người khuyết tật:</b>				
		Thưởng thành tích thi đấu giải thành phố		Bằng mức thưởng VĐV bình thường	Bằng mức thưởng VĐV bình thường
<b>b/</b>	<b>Thưởng thành tích tại các giải quốc gia và quốc tế:</b>				
	Áp dụng theo Quyết định số 136/2007/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố				
<b>2</b>	<b>CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐẲNG CẤP CHO VẬN ĐỘNG VIÊN</b>				
	1. KIỆN TƯỚNG CÓ HUY CHƯƠNG QUỐC TẾ	người/tháng	220.000	1.100.000	
	2. KIỆN TƯỚNG VĐQG VÀ KLQG	người/tháng	180.000	900.000	
	3. KIỆN TƯỚNG HUY CHƯƠNG VÀNG	người/tháng	150.000	750.000	
	4. KIỆN TƯỚNG HUY CHƯƠNG BẠC	người/tháng	120.000	600.000	
	5. KIỆN TƯỚNG HUY CHƯƠNG ĐỒNG VÀ CẤP 1 HUY CHƯƠNG VÀNG	người/tháng	100.000	500.000	
	6. KIỆN TƯỚNG KHÔNG HUY CHƯƠNG VÀ CẤP 1 HUY CHƯƠNG BẠC	người/tháng	70.000	350.000	
	7. CẤP 1 HUY CHƯƠNG ĐỒNG	người/tháng	60.000	300.000	
	8. CẤP 1 KHÔNG HUY CHƯƠNG	người/tháng	50.000	250.000	
<b>3</b>	<b>CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP TRÁCH NHIỆM THƯỜNG XUYÊN</b>				
	Chi cho HLV, VĐV trong thời gian được triệu tập tập huấn các đội dự tuyển QG				
	1. Tập huấn đội Dự tuyển QG	người/tháng	-	3.000.000	
	2. Tập huấn đội Dự tuyển trẻ QG	người/tháng	-	2.000.000	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức cũ (đồng)	Mức mới (đồng)
<b>4</b>	<b>CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI CHO VĐV TÀI NĂNG</b>			
	Chi cho VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc tế, thời gian hưởng từ khi đạt thành tích cho đến giải đã đạt thành tích được tổ chức lần sau			
	1. Đạt huy chương Olympic và Giải vô địch thế giới		-	15.000.000
	2. Đạt huy chương Olympic trẻ và Giải vô địch trẻ thế giới		-	11.250.000
	3. Đạt huy chương Đại hội thể thao Châu Á, Đại hội thể thao Châu Á trong nhà và Giải vô địch Châu Á		-	10.000.000
	4. Đạt huy chương giải Trẻ Châu Á		-	7.500.000
	5. Đạt huy chương Đại hội thể thao Đông Nam Á và Giải vô địch Đông Nam Á		-	5.000.000
	6. Đạt huy chương giải Trẻ Đông Nam Á		-	3.750.000
<b>5</b>	<b>CHẾ ĐỘ CHO TRỌNG TÀI VÀ LỰC LƯỢNG PHỤC VỤ:</b>			
a/	Đối với trọng tài:			
	<b><u>Hạng A1, vô địch:</u></b>			
	<b>* Trọng tài chính:</b>			
	- Các môn bóng	người/trận	30.000	40.000
	- Các môn cá nhân	người/buổi	35.000	50.000
	<b>* Trọng tài phụ:</b>			
	- Các môn bóng	người/trận	20.000	30.000
	- Các môn cá nhân	người/buổi	25.000	40.000
	<b><u>Hạng B. Học sinh, năng khiếu:</u></b>			
	<b>* Trọng tài chính:</b>			
	- Các môn bóng	người/trận	25.000	30.000
	- Các môn cá nhân	người/buổi	30.000	40.000
	<b>* Trọng tài phụ:</b>			
	- Các môn bóng	người/trận	20.000	25.000
	- Các môn cá nhân	người/buổi	20.000	30.000



STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức cũ (đồng)	Mức mới (đồng)
b/	Đối với BTC, lực lượng phục vụ:			
	<b><u>Hang A1, vô địch:</u></b>			
	* Trưởng phó BTC	người/ngày	50.000	65.000
	* Ủy viên BTC	người/buổi	40.000	50.000
	* Phục vụ	người/buổi	20.000	30.000
	<b><u>Hang B, Học sinh, năng khiếu:</u></b>			
	* Trưởng phó BTC	người/ngày	30.000	50.000
	* Ủy viên BTC	người/buổi	25.000	35.000
	* Phục vụ	người/buổi	18.000	25.000
<b>6</b>	<b>CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI HLV, VĐV TRONG TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU:</b>			
<b>A)</b>	<b>Mức dinh dưỡng trong tập huấn:</b>			
	1. Tập huấn dự giải vô địch	người/ngày	45.000	90.000
	2. Tập huấn dự giải trẻ	người/ngày	35.000	70.000
	3. VĐV khuyết tật	người/ngày	35.000	70.000
<b>B)</b>	<b>Mức dinh dưỡng trong thi đấu:</b>			
	1. Thi đấu giải vô địch quốc gia	người/ngày	60.000	120.000
	2. Thi đấu dự giải trẻ, năng khiếu	người/ngày	45.000	90.000
	3. Giải người khuyết tật	người/ngày	45.000	90.000
<b>C)</b>	<b>Mức dinh dưỡng thường xuyên:</b>			
	1. Đội dự tuyển thành phố	người/ngày	45.000	90.000
	2. Năng khiếu tập trung	người/ngày	45.000	90.000
	3. Năng khiếu dự bị tập trung	người/ngày	35.000	70.000
	4. Năng khiếu trọng điểm	người/ngày	25.000	50.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2009

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 72/2004/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản Nhà nước để bán đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 13/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2005

của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản Nhà nước để bán đấu giá;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 1969/STP-VB ngày 14 tháng 7 năm 2009, Công văn số 2444/STP-VB ngày 24 tháng 8 năm 2009 và Công văn số 47/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 ban hành Quy chế bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu và ý kiến của Sở Tài chính tại các Công văn số 7269/STC-CS ngày 04 tháng 8 năm 2009, Công văn số 8405/STC-CS ngày 24 tháng 8 năm 2009 và Công văn số 9204/STC-CS ngày 17 tháng 9 năm 2009,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất); cụ thể như sau:

1. Tên gọi của Quyết định được sửa đổi, bổ sung:

“Về ban hành Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; ***trừ tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính được chuyển giao cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá để tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật*** và tài sản là nhà, đất”.

2. Phần căn cứ của Quyết định: thay “Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002” bằng “Căn cứ Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008”.

3. Điều 1 Quyết định được sửa đổi, bổ sung:

“Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm

quyền; *trừ tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính được chuyển giao cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá để tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật* và tài sản là nhà, đất.

Căn cứ Quy chế này, Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước thành phố, quận - huyện triển khai các hoạt động bán đấu giá”.

4. Tên gọi của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định được sửa đổi, bổ sung:

“Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; *trừ tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính được chuyển giao cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá để tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật* và tài sản là nhà, đất”.

5. Điều 1 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định được sửa đổi, bổ sung:

“Quy chế này quy định trình tự, thủ tục tổ chức bán đấu giá công khai tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; *trừ tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính được chuyển giao cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá để tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật* và tài sản là nhà, đất”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký; các nội dung khác của Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước thành phố, quận - huyện, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Giám đốc Xí

nghiệp Phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất, Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất, Giám đốc các cảng biển tại thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4738/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2009*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng  
đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư dọc đường Bung Ông Thoàn,  
phường Phú Hữu, quận 9**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 9;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2718/TTr-SQHKT ngày 21 tháng 9 năm 2009 về trình duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư dọc đường Bung Ông Thoàn, phường Phú Hữu, quận 9,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ

1/2000 khu dân cư dọc đường Bung Ông Toàn, phường Phú Hữu, quận 9 với các nội dung chính như sau:

**1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Quy mô khu vực quy hoạch: 273,33ha.

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

+ Phía Đông: giáp sông Ông Nhiêu.

+ Phía Tây: giáp phường Phước Long B, kênh Một Tấn và đường Vành đai 2 (Vành đai phía Đông).

+ Phía Nam: giáp rạch hiện hữu.

+ Phía Bắc: giáp sông Kinh.

**2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:**

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư dọc đường Bung Ông Toàn, phường Phú Hữu, quận 9 đã được Ủy ban nhân dân quận 9 duyệt tại Quyết định số 416/QĐ-UB-QLĐT ngày 22 tháng 7 năm 2004 đến nay có một số điểm không khả thi, không còn phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- Cập nhật hướng tuyến và ranh mốc giới đường Vành đai 2 (Vành đai phía Đông) đã được xác định ngoài thực địa (có thay đổi so với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được duyệt trước đây).

- Điều chỉnh ranh quy hoạch cho khớp nối với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 tiếp giáp nhằm phủ kín quy hoạch tại khu vực.

- Cập nhật các dự án đã được duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý quy hoạch.

**3. Mục tiêu của điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch:**

Xác định cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận 9.

- Đảm bảo tính khả thi và phù hợp theo định hướng phát triển kinh tế xã hội đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch quận 9 tại Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007.

- Làm cơ sở lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, phục vụ công tác quản lý đô thị tại khu vực.

#### 4. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

##### 4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>	<b>249,4155</b>	<b>91,32</b>
1	Đất nhóm nhà ở (kể cả đất hỗn hợp)	144,7243	
2	Đất công trình dịch vụ công cộng	13,8300	
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng	52,8700	
4	Đất giao thông	37,9912	
<b>B</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>	<b>23,9145</b>	<b>8,68</b>
1	Đất giao thông đối ngoại	7,8083	
2	Đất tôn giáo	0,2000	
3	Đất sông rạch	15,9062	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>273,3300</b>	

##### 4.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các chỉ tiêu sử dụng đất</b>			
	Đất đơn vị ở	m <sup>2</sup> /ng	80 - 85	
	+ Đất nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /ng	54 - 56,5	
	+ Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở	m <sup>2</sup> /ng	4 - 5	Trong đó đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở tối thiểu 2,7 m <sup>2</sup> /người/đơn vị ở
	+ Đất cây xanh sử dụng công cộng	m <sup>2</sup> /ng	6 - 7	
	+ Đất giao thông	km/km <sup>2</sup> m <sup>2</sup> /ng	13 - 10 16 - 17	Tính đến đường cấp phân khu vực (lộ giới ≥ 13m)



<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc</b>			
	- Quy mô dân số dự kiến	Người	24.000 - 25.000	
	Mật độ xây dựng	%	Khoảng 20 - 40	Tính trên từng nhóm ở
	Hệ số sử dụng đất	Lần	0,4 - 2,4	Tính trên từng nhóm ở
	Tầng cao xây dựng	Tầng	01 - 15	
Ghi chú: các chỉ tiêu sử dụng đất nêu trên không quy định cho đất hỗn hợp, chỉ tiêu sử dụng đất đối với đất hỗn hợp được tính toán phù hợp với quy chuẩn xây dựng và quy hoạch chung quận 9 khi có dự án đầu tư cụ thể.				
<b>C</b>	<b>Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	200	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	≥ 200	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2000 - 2500	
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	1 - 1,5	

### 5. Các điểm lưu ý khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

- Cần làm rõ sự phù hợp khi điều chỉnh, chuyển đổi chức năng sử dụng đất một số khu vực so với quy hoạch được duyệt trước đây.

- Cải tạo mở rộng các tuyến đường hiện hữu cho phù hợp mạng lưới giao thông theo quy hoạch chung quận 9 và tỷ lệ giao thông theo quy chuẩn xây dựng, song song với việc nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Tổ chức giao thông tại nút giao đường Phước Hữu và đường Vành đai 2 (Vành đai phía Đông) và nút giao đường liên phường Phú Hữu và đường Vành đai 2.

- Nối kết hạ tầng kỹ thuật với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và 1/2000 tiếp giáp khu vực quy hoạch.

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: lưu ý kiến trúc cảnh quan dọc trục đường Vành đai phía Đông; cảnh quan các tuyến đường ven sông, rạch.

- Về đất công trình giáo dục: bố trí quỹ đất giáo dục theo quy hoạch mạng lưới giáo dục đã được Ủy ban nhân dân quận 9 phê duyệt và Quyết định số 02/2003/QĐ-

UB ngày 03 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020 và phân bổ đảm bảo chỉ tiêu và bán kính phục vụ tối thiểu cho đơn vị ở theo quy chuẩn xây dựng.

- Cần cập nhật các dự án, các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt (nếu có).

- Hành lang an toàn sông rạch: cần thực hiện theo đúng nội dung Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cần có ý kiến của Sở Giao thông vận tải về việc san lấp, nắn chỉnh dòng kênh rạch trong phạm vi quy hoạch (nếu có), đảm bảo yêu cầu tiêu thoát nước và cảnh quan đô thị.

- Hiện nay hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận 9 đang trong quá trình thiết lập, chưa được thẩm định, phê duyệt. Trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cần cập nhật những thay đổi (nếu có) theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận 9 được duyệt.

- Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

**Điều 2.** Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được duyệt, giao Ủy ban nhân dân quận 9 chỉ đạo đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 thông qua Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4739/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2009

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000  
khu dân cư xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố;

Căn cứ đồ án quy hoạch chung huyện Củ Chi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6994/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2675/QĐ-UB ngày 21 tháng 6 năm 2007;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2286/TTr-SQHKT ngày 11 tháng 8 năm 2009 về trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư thị trấn Tân Thông Hội, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư thị trấn Tân Thông Hội, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi với các nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Quy mô khu vực quy hoạch: 149ha.
- Vị trí khu đất thuộc khu vực đô thị Củ Chi có giới hạn phạm vi quy hoạch như sau:
  - + Phía Đông Nam : giáp đường Suối Lợi.
  - + Phía Tây Bắc : giáp đường Trần Văn Chằm.
  - + Phía Tây Nam : giáp Quốc lộ 22.
  - + Phía Đông Bắc : giáp tuyến đường đất hiện hữu.

## **2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ quy hoạch:**

Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Tân Thông Hội, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay; đồng thời định hướng phát triển trong tương lai phù hợp với định hướng điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2007.

## **3. Mục tiêu của nhiệm vụ quy hoạch:**

- Đảm bảo phát triển khu vực theo đúng quy hoạch chung của huyện, hạn chế phát triển tự phát.
- Khai thác có hiệu quả giá trị sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội khu vực phù hợp xu hướng phát triển chung trên địa bàn huyện.
- Phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.
- Tạo cơ sở pháp lý để quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.
- Xác định được tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, quy mô dân số và quỹ đất phát triển đô thị.

## **4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:**

### **4.1. Cơ cấu sử dụng đất:**

<b>STT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>A</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>	<b>132,76</b>		<b>89,1</b>
	- Đất nhóm ở	86,8	58,26	
	- Đất công trình dịch vụ công cộng	9,4	6,31	
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng	12,2	8,19	
	- Đất giao thông cấp phân khu vực	24,36	16,35	

<b>B</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>	<b>16,24</b>		<b>10,9</b>
	+ Đất giao thông cấp đô thị	6,7	4,5	
	+ Đất công trình công cộng cấp huyện	2,64	1,77	
	+ Mặt nước (kênh N31A)	3,6	2,42	
	+ Đất công nghiệp hiện hữu	3,3	2,21	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>149</b>		<b>100</b>

#### 4.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các chỉ tiêu sử dụng đất</b>			
	Đất đơn vị ở	m <sup>2</sup> /ng	74 - 83	
	+ Đất nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /ng	50 - 52	
	+ Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở	m <sup>2</sup> /ng	4 - 6	Trong đó đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở tối thiểu 2,7 m <sup>2</sup> /người/1 đơn vị ở
	+ Đất cây xanh sử dụng công cộng	m <sup>2</sup> /ng	7 - 10	
	+ Đất giao thông	m <sup>2</sup> /ng	13 - 15	Tính đến đường cấp phân khu vực (lộ giới ≥ 13m)
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu kiến trúc</b>			
	Dân số dự kiến		17.000	
	Mật độ xây dựng		Khoảng 25 - 30%	Tính trên toàn khu
	Hệ số sử dụng đất		0,25 - 0,8	Tối đa (tính trên từng nhóm ở)
	Tầng cao xây dựng		01 - 05	Thấp nhất và cao nhất
<b>C</b>	<b>Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	150 - 180	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	150 - 180	

+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	1.000	
+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	01	

**5. Các điểm lưu ý khi triển khai giai đoạn đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000:**

- Các vị trí hoán đổi chức năng sử dụng đất cần cân nhắc kỹ để tránh khiếu kiện của người dân, ưu tiên phát triển công viên cây xanh và công trình công cộng tại các khu đất trống.

- Việc quy hoạch xây dựng các công viên cây xanh trong phạm vi khu quy hoạch cần phù hợp với Quy chuẩn xây dựng và hiện trạng sử dụng đất để đảm bảo tính khả thi.

- Về quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và không gian kiến trúc cảnh quan dọc theo Quốc lộ 22 cần đảm bảo hài hòa với quy hoạch khu đô thị Tây Bắc thành phố.

- Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

- Việc triển khai đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 này cần phù hợp định hướng của đồ án quy hoạch chung huyện Củ Chi tỷ lệ 1/10.000.

**Điều 2.** Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chịu trách nhiệm hướng dẫn đơn vị tư vấn triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 căn cứ trên nội dung nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2009

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động  
vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính và Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 8768/LSTC-SGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2009; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 2857/STP-VB ngày 29 tháng 9 năm 2009 và Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 1582/SGTVT-VTCN ngày 08 tháng 10 năm 2009,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này các định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2.**

1. Các định mức kinh tế kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thông báo và tổ chức thực hiện các định mức được duyệt; theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung định mức khi cần thiết.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**



**PHỤ LỤC: ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH  
CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Nhóm 1	Nhóm 2A	Nhóm 2B	Nhóm 3A	Nhóm 3B	Nhóm 4A	Nhóm 4B	2 tầng
			Dưới 20HK (dưới 12 ghế) Không ML	Từ 20 đến dưới 40HK (17-25 ghế) Máy lạnh	Từ 20 đến dưới 40HK (17-25 ghế) Không ML	Từ 40 đến dưới 60HK (26-38 ghế) Máy lạnh	Từ 40 đến dưới 60HK (26-38 ghế) Không ML	Từ 60 đến dưới 80HK ( $\geq 39$ ghế) Máy lạnh	Từ 60 đến dưới 80HK ( $\geq 39$ ghế) Máy lạnh	Trên 80HK (87 ghế) Máy lạnh
1.	Số xe ca hoạt động	Ca xe/năm	600	600	600	600	600	600	600	600
2.	Nguyên giá xe	Đồng/xe	110.000.000	502.112.000	418.000.000	724.252.000	545.289.000	896.000.000	1.188.543.000	1.700.000.000
3.	Khấu hao cơ bản	%Ng giá	7,93%	8,58%	8,58%	8,58%	8,58%	8,58%	8,58%	7,93%
4.	Sửa chữa xe	%Ng giá	18,07%	11,49%	11,49%	11,49%	11,49%	11,49%	11,49%	18,07%
5.	Chi phí khác	%Ng giá	6,39%	3,15%	3,60%	3,70%	4,60%	4,18%	3,39%	6,39%
6.	Nhân công									
a	Lái xe	Nhóm-bậc	I-3/4	II-3/4	II-3/4	III-3/4	III-3/4	IV-3/4	IV-3/4	I-3/4
	- Hệ số lương		3,05	3,25	3,25	3,44	3,44	3,64	3,64	3,05
b	Tiếp viên	Nhóm-bậc	III-2/5	III-2/5	III-2/5	III-3/5	III-3/5	III-4/5	III-4/5	III-2/5
	- Hệ số lương		2,33	2,33	2,33	2,73	2,73	3,2	3,2	2,33
	- Số tiếp viên/ca xe	Người	1	2	2	2	2	2	2	1
c	Phụ cấp trách nhiệm	%LgTT	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%
7.	Số ngày làm việc/tháng	Ngày	24	24	24	24	24	24	24	24
8.	Định mức nhiên liệu chính	Lít/100km	8,70	21,00	16,00	29,50	20,00	37,00	37,00	8,70
9.	Định mức nhiên liệu phụ	%ĐMNLC	3,0%	5,0%	5,0%	5,0%	5,0%	5,0%	5,0%	3,0%
10.	Hệ số Km huy động	%ĐMNLC	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%
11.	Km vận doanh một ca xe	Km/xe/ca	90	90	90	90	90	90	90	90

**GHI CHÚ:**

- Nhóm I: nhiên liệu sử dụng Xăng A92, các nhóm còn lại sử dụng dầu diesel 0,05S

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2009/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 29 tháng 9 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận tại Tờ trình số 425/TTr-TP ngày 25 tháng 5 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố 53 văn bản do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (cũ) ban hành hết hiệu lực thi hành trên địa bàn quận Bình Tân (theo Danh mục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Chính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC VĂN BẢN CÔNG BỐ HẾT HIỆU LỰC  
THI HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH TÂN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)*

**NĂM 1992**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
1	1/CT-UB	17/4/1992	Chấn chỉnh kỷ luật hành chánh trong các cơ quan nhà nước

**NĂM 1993**

<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
2	250/QĐ-UB	07/6/1993	Về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của đội kiểm tra văn hóa huyện Bình Chánh

**NĂM 1994**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
3	3/CT-UB	04/01/1994	Nghiêm cấm các trường hợp lấy đất ruộng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và gây hư hại giao thông
4	6/CT-UB	26/5/1994	Đẩy mạnh các biện pháp đẩy mạnh quản lý thu và quản lý thuế trên địa bàn huyện Bình Chánh
5	9/CT-UB	04/7/1994	Tăng cường chấn chỉnh công tác văn thư xã - thị trấn

<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
6	664/QĐ-UB	15/7/1994	Về việc ban hành qui chế tạm thời về tổ chức, hoạt động của đội quản lý trật tự đô thị
7	863/QĐ-UB	12/10/1994	V/v ban hành qui chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công chứng nhà nước huyện Bình Chánh
8	933/QĐ-UB	07/11/1994	V/v ban hành qui chế tạm thời về hoạt động và tổ chức của khối nội chính huyện Bình Chánh
<b>VĂN BẢN KHÁC</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
9	528/TB-UB	04/7/1994	Thông báo một số qui định của UBND H.Bình Chánh về lề lối làm việc của UBND xã - thị trấn

**NĂM 1995**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
10	13/CT-UB	07/8/1995	Cấm nuôi và tiếp tục diệt ốc bươu vàng trên địa bàn huyện
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
11	850/QĐ-UB	07/8/1995	Về việc ban hành qui chế tạm thời về hoạt động của tổ quản lý điện tại các xã trên địa bàn huyện
<b>VĂN BẢN KHÁC</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
12	554/TB-UB	24/8/1995	Thông báo tiếp tục duy trì công tác lập lại trật tự an toàn giao thông thủy bộ và giao thông đô thị trên địa bàn huyện Bình Chánh

**NĂM 1996**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
13	1/CT-UB	05/01/1996	Tăng cường quản lý tình hình đào ao, san lấp mặt bằng hạ tầng ruộng xây dựng nhà xưởng, quán lều trái phép trên địa bàn huyện
14	7/CT-UB	10/7/1996	Củng cố lực lượng PCCC tại chỗ và đẩy mạnh công tác PCCC tiến tới 35 năm ngày nhà nước ban hành Pháp lệnh PCCC
15	10/CT-UB	03/9/1996	Giải quyết khiếu nại đất đai trên địa bàn huyện
16	11/CT-UB	30/9/1996	Thực hiện NĐ 40/CP về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và tiếp tục thực hiện Nghị định số 36/CP về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự đường thủy
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
17	259/QĐ-UB	01/6/1996	V/v ban hành qui chế tạm thời của UBND huyện Bình Chánh
18	535/QĐ-UB	23/9/1996	V/v ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh
19	538/QĐ-UB	25/9/1996	V/v ban hành qui chế tạm thời về tập trung đầu mối giải quyết thủ tục cấp phép sản xuất kinh doanh theo Nghị định
20	712/QĐ-UB	02/01/1996	V/v ban hành qui chế hoạt động của Phòng Xây dựng - Giao thông vận tải huyện Bình Chánh
21	713/QĐ-UB	20/12/1996	V/v ban hành qui chế hoạt động của Phòng Nông nghiệp huyện Bình Chánh
22	714/QĐ-UB	20/12/1996	V/v ban hành qui chế hoạt động của Phòng Địa chính huyện Bình Chánh

23	722/QĐ-UB	26/12/1996	V/v ban hành qui định tạm thời về quản lý người có nhà cho người lao động thuê trọ
----	-----------	------------	--

**NĂM 1997**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
24	11/CT-UB-VX	25/12/1997	Về việc tổ chức ngày toàn dân đưa trẻ đến trường
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
25	120/QĐ-UB	05/3/1997	Về việc ban hành qui chế tổ chức, hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư
26	126/QĐ-UB	10/3/1997	Về việc ban hành qui chế tổ chức, hoạt động của P. Văn hóa Thông tin - Thể dục thể thao huyện Bình Chánh
27	152/QĐ-UB	24/3/1997	Về việc ban hành qui chế tổ chức, hoạt động của Thanh tra huyện Bình Chánh
28	225/QĐ-UB	03/5/1997	Về việc ban hành qui chế tạm thời về tổ chức hoạt động của UBND huyện Bình Chánh theo cơ chế một cửa, một dấu
29	238/QĐ-UB	03/5/1997	Về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Tổ Tiếp nhận - trả hồ sơ hành chính của dân
30	293/QĐ-UB-TC	04/6/1997	Về việc ban hành qui chế tổ chức, hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bình Chánh
31	86/QĐ-UB	19/02/1997	Về việc gọi công dân nhập ngũ năm 1997
32	9/QĐ-UB	04/01/1997	Về việc ban hành qui chế tổ chức, hoạt động của Phòng Tư pháp huyện Bình Chánh

<b>VĂN BẢN KHÁC</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
33	244/TB-UB	15/5/1997	Về việc qui hoạch mạng lưới trường lớp đến năm 2000

**NĂM 1998**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
34	01/CT-UB-QLĐT	03/01/1998	Về việc tăng cường công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường, bảo vệ hành lang an toàn lưới điện và an toàn giao thông trên địa bàn huyện
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
35	353/QĐ-UB-TC	24/4/1998	Về việc ban hành qui chế tổ chức quản lý hoạt động Trung tâm Văn hóa Thể dục-Thể thao liên xã
36	625/QĐ-UB-TC	20/7/1998	Về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý chợ Bình Chánh
<b>VĂN BẢN KHÁC</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
37	766/QC-UB	05/9/1998	Qui chế về mối quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân và Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Bình Chánh

**NĂM 2000**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
38	04/2000/CT-UB-VX	06/12/2000	Về việc tăng cường công tác kiểm tra xử lý tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện Bình Chánh



**NĂM 2001**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
39	01/CT-UB	01/6/2001	Về công tác thu hồi nợ quá hạn quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
40	11/2001/QĐ-UB	04/1/2001	Về việc ban hành quy chế hoạt động Đội kiểm tra liên ngành thực hiện Chỉ thị 814/TTg Thủ tướng Chính phủ của huyện Bình Chánh
41	1333/QĐ-UB	19/7/2001	V/v ban hành quy chế hoạt động của Tổ công tác chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp huyện Bình Chánh
42	2546/QĐ-UB	13/12/2001	Về việc ban hành quy định về thu, quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng, an ninh

**NĂM 2002**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
43	02/CT-UB	02/12/2002	Về việc tăng cường quản lý và thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn huyện
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
44	1129/QĐ-UB	04/4/2002	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Bình Chánh để quản lý trật tự đô thị xã - thị trấn

**NĂM 2003**

<b>CHỈ THỊ</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
45	02/2003/CT-UB	22/5/2003	Về việc kịp thời xử lý và chặn đứng tình trạng san lấp phân lô, xây dựng bất hợp pháp trên địa bàn huyện

46	04/2003/CT-UB	27/8/2003	Về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>			
<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
47	792/2003/QĐ-UB	09/4/2003	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật cấp xã - thị trấn
48	879/QĐ-UBND	21/4/2003	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em huyện Bình Chánh
49	1368/2003/QĐ-UB	20/6/2003	Về việc ban hành quy chế làm việc của UBND huyện Bình Chánh
50	1488/2003/QĐ-UB-M	2/7/2003	Về ban hành kế hoạch phòng chống khủng bố đảm bảo an ninh - trật tự trên địa bàn H. Bình Chánh
51	1639/2003/QĐ-UB	16/7/2003	Về việc ban hành qui chế tạm thời về lắp đặt mới, cải tạo và quản lý hệ thống đèn chiếu sáng dân lập trên địa bàn huyện Bình Chánh
52	1643/2003/QĐ-UB	18/7/2003	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng làm nhiệm vụ thu gom rác dân lập trên địa bàn huyện Bình Chánh
53	3289/2003/QĐ-UB	28/11/2003	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa - Xã hội huyện Bình Chánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2009/QĐ-UBND

*Tân Bình, ngày 25 tháng 9 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH**  
**Về bãi bỏ văn bản****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976 đến năm 2008 và Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại quận Tân Bình từ năm 1976 đến năm 2008;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận Tân Bình tại Tờ trình số 388/TP-TTr ngày 11 tháng 9 năm 2009.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 12 quyết định do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, theo Danh mục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau bảy ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, thủ trưởng các ban ngành quận và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Thái Thị Dư**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯỢC BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

<b>STT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Tên văn bản</b>
1	70/QĐ-UB	14/10/1997	QĐ v/v Ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận về ký ban hành văn bản
2	4/QĐ-UB	14/3/2001	QĐ v/v ban hành quy định tạm thời chế độ thầu quản lý và thu phí các chợ nhỏ trên địa bàn Quận Tân Bình
3	54/QĐ-UB	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng TC-KH ký và ban hành văn bản.
4	55/QĐ-UB	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao ký và ban hành văn bản.
5	57/QĐ-UB	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng Giáo dục về ký và ban hành văn bản.
6	58/QĐ-UB	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường ký và ban hành văn bản.
7	59/QĐ-UB	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng Kinh tế ký và ban hành văn bản.
8	61/QĐ-UB	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội ký và ban hành văn bản.
9	62/QĐ-UB	24/11/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng và Phó Trưởng phòng Tư pháp ký và ban hành văn bản.

10	63/QĐ-UB	24/11/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng và Phó Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường ký và ban hành văn bản.
11	10/QĐ-UB	12/9/2006	QĐ về việc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho Trưởng Phòng Y tế ký và ban hành văn bản.
12	13/QĐ-UB	06/11/2006	QĐ về việc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường về ký và ban hành văn bản.

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2009/QĐ-UBND

*Tân Bình, ngày 25 tháng 9 năm 2009*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976 đến năm 2008 và Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại quận Tân Bình từ năm 1976 đến năm 2008;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận Tân Bình tại Tờ trình số 388/TP-TTr ngày 11 tháng 9 năm 2009.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố 65 quyết định và 175 chỉ thị do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành hết hiệu lực thi hành, theo Danh mục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau bảy ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15

phường, thủ trưởng các ban, ngành quận và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Thái Thị Dư**



**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND*

*ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
1	607		Quyết định về việc kê khai đăng ký nhà cửa trong tồn quận Tân Bình
2	365		Quyết định về việc phn cấp nhiệm vụ thu chi cho BQL chợ Tân Bình
3	45		Quyết định về việc huy động lao động XHCN năm 1983 thực hiện công trình nghĩa trang liệt sĩ thành phố
4	118		Quyết định về việc điều tra nhà cửa trên địa bàn quận Tân Bình
5	14		Quyết định về việc chuyển Phòng Nông nghiệp quận thành tổ công tác trực thuộc UBND quận Tân Bình
6	15		Quyết định về việc chuyển Ban cải tạo CTN quận thành tổ công tác trực thuộc UBND quận Tân Bình
7	16		Quyết định về việc chuyển Trọng tài kinh tế quận thành tổ công tác trực thuộc UBND quận Tân Bình
8	21		Quyết định về việc chuyển Phòng thể dục thể thao quận thành tổ công tác trực thuộc UBND quận Tân Bình
9	133		Quyết định về việc chuyển Tổ Trọng tài kinh tế quận thành tổ công tác (tổ chuyên viên) trực thuộc quận
10	135		Quyết định về việc chuyển Phòng giá quận thành tổ công tác (tổ chuyên viên) trực thuộc UBND quận
11	136		Quyết định về việc chuyển Phòng Tư pháp quận thành tổ công tác trực thuộc UBND quận

12	335	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra Thông tư 08 quận Tân Bình
13	66	Quyết định về việc lệ phí hồ sơ đăng ký hộ khẩu của Công an quận Tân Bình
14	145	Quyết định về việc thu lệ phí quét rác, đổ rác trên địa bàn quận Tân Bình
15	34	Quyết định về việc hợp nhất Tổ Quy hoạch và quản lý ruộng đất thành Tổ Quy hoạch và quản lý ruộng đất QTB
16	14	Quyết định ban hành quy định về quản lý tổ chức đấu thầu quản lý thu lệ phí khai thác các chợ nhỏ trên địa bàn quận
17	87	Quyết định về việc thành lập Phòng ban chuyên môn theo mô hình mới
18	19	Quyết định về việc điều chỉnh sắp xếp lại chỗ ở của các hộ nhân dân trên và ven kênh Nhiêu Lộc
19	78	Quyết định về các đơn giá đền bù, trợ cấp, điều chỉnh di chuyển các loại nhà nằm dọc hai bên đường Hòa Bình quận 11 và quận Tân Bình
20	26	Quyết định quy định về đơn giá đền bù và trợ cấp trong việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp tập trung thuộc phường 15, phường 16 QTB
21	168	QĐ về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của UB DSKHHGD quận Tân Bình
22	170	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Phòng Kinh tế quận Tân Bình
23	2	Chỉ thị v/v tiếp tục phát động phong trào bảo vệ ANCT-TTXH cho các ngày lễ lớn và tết Nguyên đán
24	3	Chỉ thị v/v tổ chức hội hoa xuân Tân Dâu
25	4	Chỉ thị về việc tăng cường công tác Phòng, chống dịch tả mùa khô năm 1981
26	12	Chỉ thị xét cấp giấy phép kinh doanh cho các cơ sở thương nghiệp dịch vụ ăn uống
27	5	Chỉ thị v/v thành lập gấp rút đội chuyên nghiệp thủy lợi tại các phường

28	6		Chỉ thị về việc giao nhiệm vụ cho các ban ngành xây ống cống để phục vụ sản xuất nông nghiệp
29	8		Chỉ thị v/v tổ chức ngày lao động "vì tương lai con em chúng ta" vào dịp 19/5
30	9		Chỉ thị v/v xét cấp giấy phép kinh doanh cho các hộ thương nghiệp - dịch vụ ăn uống
31	10		Chỉ thị v/v thực hiện phân công phân cấp quản lý cho phường
32	1		Chỉ thị yêu cầu các phường tham gia Hội chợ quận
33	3		Chỉ thị về công tác tự kiểm tra tài chính QTB
34	4		Chỉ thị v/v tăng cường công tác bảo vệ Bà mẹ vận động sinh đẻ có kế hoạch và hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số
35	5		Chỉ thị về cải tiến và tăng cường biện pháp trong công tác thu thuế công thương nghiệp trên địa bàn quận
36	6		Chỉ thị v/v đăng ký và quản lý các loại xe thô sơ
37	2		Chỉ thị về việc dùng biên lai thu chi, quyên góp tài chánh trong nhân dân của các cơ quan đơn vị thuộc quận Tân Bình
38	3		Chỉ thị về việc tổ chức lễ CMT8 và Quốc khánh 02/9/1983
39	04		Chỉ thị v/v diễn tập quân sự "chiến dịch phân công N 83"
40	05		Chỉ thị về thủ tục phê duyệt hợp đồng kinh tế trên địa bàn quận Tân Bình
41	06		Chỉ thị về việc phát động thi đua tiết kiệm chào mừng Đại hội Đảng
42	07		Chỉ thị chuẩn bị kiểm tra thực hiện kế hoạch nhà năm 1983 trên địa bàn quận Tân Bình
43	08		Chỉ thị về việc kiểm tra cư trú để phục vụ yêu cầu phát triển KTXH
44	01		Chỉ thị một số công tác trong quý 1/1984
45	02		Chỉ thị về hợp tác kinh tế giữa quận Tân Bình và các tỉnh
46	04		Chỉ thị về việc phân cấp phân phối nhiên liệu phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội

47	05		Chỉ thị về việc huy động ngày công lao động XHCN năm 1984
48	07		Chỉ thị vận động thanh niên xung phong đợt 15 tháng 12/1984
49	01		Chỉ thị về việc khẩn trương giải quyết hộ khẩu cho người gốc Tân Bình đi kinh tế mới trở về (tiếp tục thực hiện Chỉ thị 28 của UBND TP)
50	02		Chỉ thị về việc kiểm điểm 3 năm thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự
51	03		Chỉ thị về việc tăng cường công tác PCCC mùa khô năm 1985
52	05		Chỉ thị phân cấp phân phối nhiên liệu phục vụ sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp
53	06		Quy định cấm xe vận tải trên 3 tấn, 5 tấn và xe khách trên 20 chỗ ngồi lưu thông trên phạm vi P25
54	07		Chỉ thị v/v đình chỉ hoạt động mua bán radio cassette của Trung tâm Văn hóa thuộc Phòng Văn hóa thông tin
55	08		Chỉ thị Đại hội xã viên HTX Tân Thắng 1
56	09		Chỉ thị v/v tổ chức các hoạt động chào mừng Festival 12 và năm Quốc tế Thanh niên 1985
57	10		Chỉ thị v/v đẩy mạnh thực hiện chỉ tiêu kế hoạch thu thuế công thương nghiệp quý 3 và cuối năm 1985
58	11		Quy định v/v phân công phân cấp về thuế công thương nghiệp đối với Phường
59	12		Chỉ thị v/v tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tạo, tổ chức lại công thương nghiệp tư doanh
60	13		Chỉ thị diễn tập động viên quân dự bị và phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân năm 1985
61	01		Chỉ thị v/v tổng kết quản lý, thống kê số liệu tình hình ký kết thực hiện và thanh lý hợp đồng kinh tế của các đơn vị sản xuất kinh doanh
62	02		Chỉ thị v/v hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ
63	03		Chỉ thị v/v tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch năm 1987

64	04		Chỉ thị v/v tổ chức lần thứ 40 toàn quốc kháng chiến, lần thứ 42 thành lập Quân đội nhân dân
65	05		Chỉ thị tổ chức các ngày kỷ niệm trong tháng 12/1986 và Tết Đinh Mão
66	06		Chỉ thị v/v chấn chỉnh hoạt động kinh doanh của các đơn vị tập thể - cá thể ngành may mặc
67	01		Chỉ thị về tăng cường công tác chỉ đạo tuyển sinh quân sự năm 1987 - 1988 cho các học viên và trường sĩ quan quân sự
68	02		Chỉ thị v/v tổ chức thực hiện tốt chương trình trồng gừng xuất khẩu
69	03		Chỉ thị v/v giải quyết tiền mặt, vật tư cho công trình xây dựng XN. Da giày xuất khẩu phường 13
70	04		Chỉ thị v/v triển khai xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm năm (1986-1990)
71	09		Chỉ thị về công tác Phòng chống lụt bão 1987
72	06		Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội năm 1988
73	07		Chỉ thị tổ chức thực hiện một số mặt công tác liên quan đến công tác thanh niên của quận từ 1987 - 1988
74	08		Chỉ thị phát động đợt thi đua 45 ngày chống thất thu thuế
75	01		Chỉ thị v/v quy hoạch và quản lý kinh doanh ngành điện máy tại khu vực ngã tư Bảy Hiền - phường 4 QTB
76	02		Chỉ thị v/v tăng cường công tác quản lý thu và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành thuế công thương nghiệp
77	03		Chỉ thị triển khai đợt công tác ổn định trật tự phân phối lưu thông - trật tự xã hội trên địa bàn
78	04		Chỉ thị v/v tận thu thuế và chống thất thu thuế sản xuất kinh doanh năm 1988
79	05		Chỉ thị về công tác Phòng chống lụt bão 1988 của QTB
80	06		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1989

81	07		Chỉ thị v/v đẩy mạnh công tác giải quyết quân nhân đào ngũ và thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự
82	08		Chỉ thị v/v thực hiện công tác động viên, tuyển quân năm 1989
83	1		Chỉ thị v/v quy hoạch và quản lý kinh doanh ngành điện máy tại khu vực ngã tư Bảy Hiền - Phường 4 Q. TB
84	2		Chỉ thị v/v tăng cường công tác quản lý thu và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành thuế công thương nghiệp của QTB
85	3		Chỉ thị triển khai đợt công tác ổn định trật tự phân phối lưu thông - trật tự xã hội trên địa bàn
86	4		Chỉ thị v/v tận thu thuế và chống thất thu thuế sản xuất kinh doanh năm 1988
87	5		Chỉ thị về công tác phòng chống lụt bão 1988 của QTB
88	6		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1989
89	7		Chỉ thị đẩy mạnh công tác giải quyết quân nhân đào ngũ và thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự
90	8		Chỉ thị v/v thực hiện công tác động viên, tuyển quân năm 1989
91	9		Chỉ thị v/v khẩn trương thực hiện công tác giải tỏa nhà chung chợ Tân Bình
92	10		Chỉ thị về công tác quy hoạch sắp xếp mặt bằng kinh doanh tại chợ Tân Bình
93	11		Chỉ thị v/v diễn tập chỉ huy tham mưu động viên năm 1988
94	12		Chỉ thị về công tác quản lý kinh doanh theo ngành nghề địa bàn quận Tân Bình
95	1		Chỉ thị v/v tổ chức Đại hội thể thao Thành phố lần thứ hai
96	2		Chỉ thị v/v huy động tiền mặt bán hàng và chi trả tiền mặt phục vụ Tết Kỷ Ty
97	3		Chỉ thị v/v thu nộp ngân sách và tiền mặt trong tháng 3/1989

98	4		Chỉ thị v/v thực hiện chế độ thu nộp ngân sách trong tháng 3/89
99	5		Chỉ thị v/v tăng cường công tác xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân
100	6		Chỉ thị v/v củng cố công tác quản lý người bị bắt buộc lao động theo Quyết định 191/CT ngày 23/6/1980 của HĐCP
101	7		Chỉ thị v/v đẩy mạnh tiến độ thu thuế công thương nghiệp nhằm hoàn thành kế hoạch thuế quý II và 6 tháng đầu năm 1989
102	8		Chỉ thị về công tác phòng, chống lụt bão năm 1989 của QTB
103	9		Chỉ thị v/v thanh toán số tồn đọng nộp ngân sách trong 6 tháng đầu năm 1989 đối với các đơn vị SXKD trực thuộc Quận
104	10		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1990
105	11		Chỉ thị v/v thành lập BCD và việc huy động lực lượng tổng hợp của Phường, Quận tham gia kế hoạch đón tiếp quân tình nguyện Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ quốc tế trở về
106	12		Chỉ thị v/v tăng cường trật tự an toàn xã hội và vệ sinh công cộng phục vụ ngày bầu cử Hội đồng nhân dân và các ngày lễ lớn từ nay đến cuối năm 1989
107	13		Chỉ thị v/v triển khai thực hiện tấn công truy quét bọn tội phạm hình sự, tăng cường công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Quận
108	14		Chỉ v/v tổ chức vệ sinh đường phố nhân dịp Tết Canh Ngọ và phục vụ năm Du lịch 1990
109	16		Chỉ thị v/v thu nộp ngân sách năm 1989
110	17		Chỉ thị v/v tổ chức đợt tấn công tội phạm trên địa bàn Quận
111	18		Chỉ thị v/v thực hiện công tác động viên tuyển quân 1990
112	1		Chỉ thị về tấn công truy quét tội phạm trên địa bàn Quận
113	2		Chỉ thị v/v xét duyệt kế hoạch năm 1990 cho đơn vị sản xuất kinh doanh

114	3		Chỉ thị v/v sắp xếp lại lao động trong các đơn vị kinh tế QD
115	4		Chỉ thị v/v triển khai tổ chức Đại hội CNVC năm 1990
116	5		Chỉ thị về công tác xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục cấp 1 trên địa bàn quận Tân Bình
117	6		Chỉ thị v/v tổ chức thực hiện chế độ BHXH tuổi già cho người lao động thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trên địa bàn quận Tân Bình
118	7		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1991 - 1995
119	8		Chỉ thị v/v chấn chỉnh công tác tuyển dụng, quản lý lao động trong khu vực kinh tế quốc doanh trên địa bàn quận Tân Bình
120	9		Chỉ thị v/v tiếp tục củng cố công tác xử lý quân nhân đào ngũ và thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự
121	10		Chỉ thị tổ chức thực hiện điều lệ dân quân tự vệ
122	11		Chỉ thị v/v tăng cường quản lý lưu trú, đi lại hoạt động của người nước ngoài và Việt kiều trên địa bàn quận Tân Bình, để bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội
123	12		Chỉ thị thực hiện kiểm kê và đánh giá lại tài sản trong khu vực hành chính sự nghiệp
124	13		Chỉ thị v/v tập trung chỉ đạo công tác gọi thanh niên nhập ngũ đợt 2/1990
125	15		Chỉ thị v/v triển khai công tác kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch năm 1990
126	16		Chỉ thị v/v đẩy mạnh thực hiện một số công tác lớn chào mừng kỷ niệm 46 năm ngày Quân đội nhân dân Việt Nam và ngày Tết Nguyên đán cổ truyền của dân tộc
127	01		Chỉ thị về một số biện pháp triển khai kế hoạch giao quân đợt 1 năm 1991 của quận
128	03		Chỉ thị về việc tăng cường trách nhiệm trong việc tổ chức Đại hội CNVC cơ sở năm 1991
129	02		Chỉ thị tổ chức "Hội khỏe Phù Đổng QTB năm 1991-1992".



130	04		Chỉ thị v/v triển khai công tác kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 1991
131	05		Chỉ thị v/v tăng cường công tác huy động nghĩa vụ lao động công ích năm 1991
132	06		Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1992
133	07		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch kinh tế đối ngoại năm 1992
134	08		Chỉ thị về một số biện pháp thu thuế từ nay đến hết năm 1991
135	09		Chỉ thị v/v điều tra một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh ở các đơn vị thương nghiệp - dịch vụ du lịch quốc doanh, HTX, xí nghiệp đời sống và tư nhân
136	10		Chỉ thị v/v triển khai công tác rà xét tình hình thực hiện kế hoạch năm 1991
137	11		Chỉ thị v/v tăng cường quản lý hoạt động văn hóa trên địa bàn quận Tân Bình
138	01		Chỉ thị thực hiện biện pháp triệt để tiết kiệm điện trong mùa khô năm 1992
139	03		Chỉ thị v/v triển khai công tác rà xét tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 1992
140	05		Chỉ thị nghiêm cấm các trường hợp xây dựng trái phép ở khu đất bến xe Phú Mỹ Hưng, phường 11
141	07		Chỉ thị v/v tăng cường quản lý trật tự lòng lề đường
142	06		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1993
143	08		Chỉ thị triển khai thực hiện biện pháp bảo hộ lao động
144	09		Chỉ thị v/v chuẩn bị kế hoạch chuyển địa phương từ thời bình sang trạng thái có chiến sự, địch phá hoại kích động biểu tình bạo loạn có vũ trang, bảo vệ mục tiêu
145	10		Chỉ thị v/v chuyển địa bàn quận Tân Bình từ thời bình sang trạng thái có chiến sự
146	11		Chỉ thị v/v triển khai công tác rà xét tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1992

147	01		Chỉ thị phát động tuần lễ bảo vệ môi trường ở quận Tân Bình
148	05		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1994 - 1995
149	02		Chỉ thị về công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm sóc gia đình Thương binh liệt sĩ và tổ chức kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7/1993
150	03		Chỉ thị v/v chuẩn bị kế hoạch chuyển địa phương từ thời bình sang trạng thái có chiến sự, địch phá hoại kích động BTBL có võ trang, chống địch tập kích đường không, đổ bộ đường không, bảo vệ mục tiêu
151	06		Chỉ thị tăng cường công tác an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội từ nay đến hết quý 1/1994
152	07		Chỉ thị v/v chuẩn bị KH chuyển địa phương từ thời bình sang trạng thái có chiến sự, địch phá hoại kích động BTBL có võ trang, chống địch tập kích đường không, đổ bộ đường không, bảo vệ mục tiêu
153	08		Chỉ thị v/v thực hiện đợt cao điểm chương trình xanh v sạch trên địa bàn quận
154	09		Chỉ thị v/v triển khai công tác rà xét tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1993
155	02		Chỉ thị về thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu vực Phòng thủ trên địa bàn quận Tân Bình năm 1994
156	2A		Chỉ thị về việc tổ chức thực hiện quyết định số 1076/QĐ-UB-NC ngày 13/4/1994 của UBND/TP về việc ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng tại Tp Hồ Chí Minh
157	04		Chỉ thị v/v chuyển địa bàn quận Tân Bình từ thời bình sang trạng thái chiến sự
158	05		Chỉ thị v/v xây dựng KH kinh tế - văn hóa - xã hội năm 1995
159	06		Chỉ thị v/v chấn chỉnh lại hoạt động của ngành kinh doanh nhà hàng khách sạn trên địa bàn quận Tân Bình
160	07		Chỉ thị v/v chuyển công tác quản lý vốn của quỹ XĐGN thông qua nghiệp vụ quản lý của ngân hàng
161	08		Chỉ thị về thực hiện diễn tập kiểm tra phương án phòng thủ bảo vệ địa bàn quận Tân Bình

162	09		Chỉ thị v/v rà xét kế hoạch năm 1994
163	01		Chỉ thị về một số công tác trọng tâm để tổ chức tốt Tết Ất Hợi
164	02		Chỉ thị v/v quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa
165	03		Chỉ thị v/v tổng kết 5 năm xây dựng phong trào quần chúng "Bảo vệ An ninh tổ quốc" trên địa bàn quận Tân Bình
166	04		Chỉ thị v/v thực hiện phong trào bảo vệ môi trường chào mừng 20 năm ngày giải phóng thành phố
167	05		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000
168	06		Chỉ thị v/v tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày Truyền thống lực lượng dân quân tự vệ (28/3/1935-28/3/1995)
169	08		Chỉ thị v/v tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn quận Tân Bình
170	12		Chỉ thị v/v tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp tại quận Tân Bình thời điểm 01/7/1995
171	09		Chỉ thị v/v tổ chức diễn tập khu vực Phòng thủ quận Tân Bình năm 1995
172	10		Chỉ thị v/v điều động SQ-HSQ - Binh sĩ đi huấn luyện quân dự bị theo chế độ hàng năm
173	11		Chỉ thị v/v triển khai kế hoạch Phòng chống dịch lở mồm, long móng ở heo và trâu, bò trên địa bàn quận Tân Bình
174	14		Chỉ thị v/v triển khai công tác điều tra sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn quận Tân Bình
175	16A		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996
176	19		Chỉ thị v/v kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995
177	01		Chỉ thị về tăng cường công tác Phòng chống cháy trên địa bàn quận Tân Bình
178	02		Chỉ thị v/v gọi Thanh niên nhập ngũ năm 1996
179	03		Chỉ thị về tăng cường các biện pháp Phòng cháy, chữa cháy mùa khô năm 1996.

180	06		Chỉ thị về việc thực hiện tuyển chọn công dân nhập ngũ năm 1997.
181	07		Chỉ thị v/v xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1997.
182	15	22/7/1995	Chỉ thị về việc cấm nuôi và diệt trừ ốc bươu vàng (OBV)
183	77	12/6/1996	QĐ v/v ban hành quy định tạm thời chế độ đấu thầu, chọn thầu thu lệ phí khai thác các chợ nhỏ trên địa bàn quận Tân Bình
184	97	27/11/1996	QĐ v/v thành lập Ban Tôn giáo quận Tân Bình
185	56	14/6/1997	QĐ v/v giải thể Đội quản lý trật tự đô thị quận Tân Bình
186	68	10/9/1997	QĐ v/v công bố lộ giới từ 12m trở xuống trên địa bàn 20 phường quận Tân Bình
187	72	15/10/1997	QĐ v/v thu hồi con dấu của các Phòng, ban chuyên môn thuộc quận
188	37	16/3/1998	QĐ v/v Ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng Quản lý đô thị về ký ban hành văn bản
189	38	16/3/1998	QĐ v/v ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng VHHT-TDĐT về ký ban hành văn bản
190	39	17/3/1998	QĐ v/v thu hồi con dấu của Phòng QLĐT và Phòng VHHT- TDĐT quận Tân Bình
191	49	04/10/1998	QĐ v/v chuyển giao chức năng, nhiệm vụ Ban Môi trường sang Phòng QLĐT QTB tiếp tục quản lý và điều hành
192	64	28/9/1998	QĐ v/v sát nhập, giải thể, thay đổi số liệu và giữ nguyên tên các phường theo đơn vị hành chính mới quận Tân Bình
193	196	07/10/1998	QĐ v/v giải thể Phòng Địa chính QTB và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ cho Phòng Quản lý đô thị quận tổ chức thực hiện
194	103	14/7/1998	QĐ v/v Ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng LĐTBXH về ký ban hành văn bản
195	104	14/7/1998	QĐ v/v Ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng TÁCKHĐT về ký ban hành văn bản

196	106	27/7/1998	QĐ v/v ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng GDĐT về ký và ban hành văn bản
197	107	28/7/1998	QĐ v/v thu hồi con dấu các Phòng của UBND Q.Tân Bình
198	112	19/8/1998	QĐ v/v Ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng GDĐT về ký bổ sung văn bản
199	259	27/11/1998	V/v Thu hồi con dấu của Phòng Y tế Quận Tân Bình
200	5	16/9/1998	Chỉ thị v/v triển khai Quy chế thực hiện dân chủ ở các phường thuộc quận Tân Bình
201	21	05/06/1999	QĐ v/v thành lập ban an toàn giao thông quận Tân Bình
202	15	28/02/2000	QĐ v/v ban hành Quy chế tổ chức và làm việc của UBND quận Tân Bình
203	17	27/3/2000	QĐ v/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng PHCTPBGDPL của UBND quận Tân Bình
204	31	19/08/2002	QĐ v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đội quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình và Tổ trật tự đô thị phường trực thuộc quận Tân Bình
205	43	27/8/2002	QĐ v/v thành lập Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận Tân Bình trên cơ sở hợp nhất Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ - chăm sóc trẻ em quận TB
206	33	16/9/2002	QĐ v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự quận Tân Bình
207	54	10/4/2002	QĐ V/v sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Q.Tân Bình
208	03	20/8/2002	Chỉ thị về việc thực hiện công tác tuyển quân năm 2003
209	10	14/4/2003	QĐ v/v Ủy nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho Phó Chủ nhiệm chuyên trách, Thường trực Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em quận Tân Bình về ký, ban hành văn bản và làm chủ tài khoản giải quyết công việc của đơn vị
210	60	29/8/2003	QĐ v/v thành lập Ban Tôn giáo quận Tân Bình

211	01	21/02/2003	Chỉ thị v/v tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2003 trên địa bàn quận Tân Bình
212	2	25/7/2003	Chỉ thị v/v thực hiện công tác động viên tuyển quân năm 2004
213	5	24/9/2003	Chỉ thị v/v thực hiện nhiệm vụ xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên theo Chỉ thị số 14/2003/CT-UB-M ngày 15/7/2003 của UBND thành phố
214	9	27/10/2003	Chỉ thị v/v diễn tập kiểm tra phương án phòng thủ năm 2003 (ký hiệu PT-03)
215	10	13/11/2003	Chỉ thị v/v chấn chỉnh và tăng cường quản lý Nhà nước về nhà đất trên địa bàn QTB
216	02	04/02/2004	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và làm việc của UBND lâm thời quận Tân Bình
217	03	22/4/2004	QĐ thành lập Đội Quản lý trật tự đô thị quận Tân Bình
218	04	27/5/2004	QĐ v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường thuộc quận Tân Bình
219	06	07/6/2004	QĐ v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế quận
220	07	08/6/2004	QĐ v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình - nhiệm kỳ 2004 - 2009
221	10	09/7/2004	QĐ v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của UB DS GD và Trẻ em quận trực thuộc UBND quận Tân Bình
222	11	14/7/2004	QĐ v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng TCCQ quận Tân Bình
223	12	14/7/2004	QĐ v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận Tân Bình
224	15	19/8/2004	QĐ v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng VH TT TDTT quận Tân Bình
225	16	19/8/2004	QĐ v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị QTB
226	19	13/9/2004	QĐ v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng GD và ĐT QTB

227	1	02/01/2004	Chỉ thị v/v tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2004 trên địa bàn QTB
228	27	07/01/2005	QĐ v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tôn giáo quận Tân Bình
229	56	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Trưởng Phòng Quản lý đô thị về ký và ban hành văn bản
230	60	29/9/2005	QĐ v/v ủy quyền của Chủ tịch UBND quận cho Phó Chủ nhiệm chuyên trách, thường trực Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em quận Tân Bình về ký, ban hành văn bản và làm chủ tài khoản giải quyết công việc đơn vị
231	64	26/12/2005	QĐ v/v ban hành Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL năm 2006 trên địa bàn quận Tân Bình
232	04	11/01/2005	Chỉ thị v/v tăng cường công tác PC dịch cúm gia cầm trên địa bàn Q. Tân Bình từ nay đến sau Tết Nguyên đán Ất Dậu 2005
233	05	20/4/2005	Chỉ thị về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2005 trên địa bàn quận Tân Bình
234	01	10/3/2006	Chỉ thị về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2006 trên địa bàn quận Tân Bình
235	07	17/8/2007	QĐ về ban hành Quy trình tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp khiếu nại, tố cáo trên địa bàn quận Tân Bình
236	02	25/01/2007	Chỉ thị về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2007 trên địa bàn quận Tân Bình
237	05	17/8/2007	Chỉ thị về diễn tập phòng, chống gây rối, biểu tình, bạo loạn và kiểm tra phương án tác chiến trong khu vực phòng thủ năm 2007
238	06	20/8/2007	Chỉ thị về thực hiện các giải pháp để kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn quận trong 6 tháng cuối năm 2007
239	02	24/01/2008	Quyết định về ban hành kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”
240	01	17/01/2008	Chỉ thị về đảm bảo an ninh trật tự trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tý

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**